



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
	Bà Chu Thị Bình	Phó Chủ tịch
	Ông Chu Văn An	Thành viên
	Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
	Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát	Ông Phan Văn Dũng	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Việt Hồng	Thành viên
	Bà Mai Thị Hoàng Minh	Thành viên

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 4 năm 2011.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-174



Lâm Thị Ngọc Hào

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		4.269.271.984.792	2.615.396.325.822
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.092.050.143.361	741.370.744.436
Tiền	111		107.660.976.207	476.911.141.527
Các khoản tương đương tiền	112		984.389.167.154	264.459.602.909
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	79.837.226.370	83.987.257.449
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		89.761.306.370	92.229.197.449
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(9.924.080.000)	(8.241.940.000)
Phải thu ngắn hạn	130	6	472.712.160.466	456.681.518.464
Phải thu khách hàng	131		440.462.646.656	376.295.574.584
Trả trước cho người bán	132		26.649.799.035	74.459.556.141
Các khoản phải thu khác	135		19.018.384.867	6.312.344.434
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(13.418.670.092)	(385.956.695)
Hàng tồn kho	140	7	2.408.809.317.557	1.213.741.507.906
Hàng tồn kho	141		2.462.562.328.071	1.231.270.556.687
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(53.753.010.514)	(17.529.048.781)
Tài sản ngắn hạn khác	150		215.863.137.038	119.615.297.567
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.358.294.400	591.428.034
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		155.420.150.276	90.880.970.099
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	8	8.763.287.256	20.556.777
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	48.321.405.106	28.122.342.657

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản dài hạn	200		2.056.194.027.466	1.279.408.110.524
Các khoản phải thu dài hạn	210	10	92.225.592.536	50.244.906.671
Tài sản cố định	220		1.648.678.615.293	968.660.692.226
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.323.306.403.936	351.438.774.720
Nguyên giá	222		1.561.336.531.019	510.259.440.814
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.030.127.083)	(158.820.666.094)
Tài sản cố định vô hình	227	12	57.062.190.693	22.025.935.776
Nguyên giá	228		60.896.179.479	25.665.161.450
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.833.988.786)	(3.639.225.674)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	268.310.020.664	595.195.981.730
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	160.168.753.530	196.448.753.530
Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.180.000.000	1.580.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		207.000.000.000	207.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(49.011.246.470)	(12.131.246.470)
Tài sản dài hạn khác	260		155.121.066.107	64.053.758.097
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	105.904.990.453	8.173.815.294
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	32	24.839.504.113	16.537.657.217
Tài sản dài hạn khác	268	16	4.556.157.655	16.432.976.000
Lợi thế thương mại	269	17	19.820.413.886	22.909.309.586
TỔNG TÀI SẢN	270		6.325.466.012.258	3.894.804.436.346

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.707.852.603.427	2.489.526.775.302
Nợ ngắn hạn	310		3.565.128.372.484	1.738.464.458.787
Vay ngắn hạn	311	18	2.936.239.690.612	1.490.714.997.316
Phải trả người bán	312	19	313.623.931.737	104.387.991.344
Người mua trả tiền trước	313		7.607.282.515	7.601.769.511
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	20	64.218.324.764	21.376.402.425
Phải trả người lao động	315		52.666.140.501	24.605.491.777
Chi phí phải trả	316	21	91.187.673.067	71.360.232.059
Các khoản phải trả khác	319	22	35.041.880.688	6.486.123.587
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	23	64.543.448.600	11.931.450.768
Nợ dài hạn	330		1.142.724.230.943	751.062.316.515
Vay dài hạn	334	24	1.129.764.991.861	747.236.965.554
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	32	9.248.315.394	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	25	3.710.923.688	3.825.350.961
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.538.891.403.059	1.337.967.110.693
Vốn chủ sở hữu	410		1.538.891.403.059	1.337.967.110.693
Vốn cổ phần	411	26	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		88.506.239.451	54.301.347.051
Quỹ đầu tư phát triển	417		41.298.066.764	19.700.529.953
Lợi nhuận chưa phân phối	420		531.210.227.608	386.088.364.453
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	27	78.722.005.772	67.310.550.351
TỔNG NGUỒN VỐN	440		6.325.466.012.258	3.894.804.436.346

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	28	7.083.660.612.588	5.150.741.368.355
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	(45.134.289.780)	(42.927.228.223)
Doanh thu thuần	10	28	7.038.526.322.808	5.107.814.140.132
Giá vốn hàng bán	11	29	(5.989.259.197.437)	(4.348.632.817.160)
Lợi nhuận gộp	20		1.049.267.125.371	759.181.322.972
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	99.386.100.773	57.390.117.310
Chi phí tài chính	22	31	(402.046.481.459)	(174.097.384.184)
Chi phí bán hàng	24		(317.523.408.035)	(273.060.149.556)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(98.280.361.276)	(54.312.540.416)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		330.802.975.374	315.101.366.126
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		8.239.870.443	59.572.573.330
Chi phí khác	32		(1.575.586.366)	(1.731.791.495)
Lợi nhuận trước thuế	50		337.467.259.451	372.942.147.961
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	32	(52.822.946.649)	(67.578.405.619)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	32	(946.468.498)	9.313.263.777
Lợi nhuận thuần	60		283.697.844.304	314.677.006.119

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần	60		283.697.844.304	314.677.006.119
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	27	8.299.668.203	8.384.087.045
Chủ sở hữu của Công ty	62		275.398.176.101	306.292.919.074
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.934	4.376

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Lợi nhuận thuần trong năm	700.000.000.000	177.876.869.236	52.534.526.623	39.893.962.999	105.216.257.459	1.075.521.616.317
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	306.292.919.074	306.292.919.074
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	-	(25.705.202.125)	(25.705.202.125)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	-	-	(3.335.259.838)	-	-	(3.335.259.838)
Sử dụng các quỹ	-	-	5.102.080.266	(20.233.433.046)	-	5.102.080.266
Tăng khác	-	-	-	40.000.000	284.390.045	(20.233.433.046)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	700.000.000.000	177.876.869.236	54.301.347.051	19.700.529.953	386.088.364.453	1.337.967.110.693
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	275.398.176.101	275.398.176.101
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	37.979.312.473	(37.979.312.473)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(81.647.741.362)	(81.647.741.362)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(17.067.368.685)	-	-	(17.067.368.685)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	-	-	30.869.632.562	(16.381.775.662)	-	30.869.632.562
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(16.381.775.662)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	20.402.628.523	-	-	20.402.628.523
Thuế trên cổ tức chuyển về từ đơn vị ở nước ngoài	-	-	-	-	(10.649.259.111)	(10.649.259.111)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	700.000.000.000	177.876.869.236	88.506.239.451	41.298.066.764	531.210.227.608	1.538.891.403.059

Người lập:

[Signature]

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

[Signature]

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		337.467.259.451	372.942.147.961
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao và phân bổ	02		92.172.726.929	38.487.356.167
Các khoản dự phòng	03		87.476.978.265	19.821.796.127
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(6.214.609.921)	8.950.218.005
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		713.800.200	-
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	06		(40.159.265.990)	(20.032.719.609)
Chi phí lãi vay	07		340.901.136.561	143.894.321.053
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		812.358.025.495	564.063.119.704
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(148.950.150.039)	(217.441.388.093)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.180.515.168.705)	(436.052.786.682)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		263.394.303.425	62.405.655.233
Biến động chi phí trả trước	12		-	(256.921.449)
			(253.712.989.824)	(27.282.321.287)
Tiền lãi vay đã trả	13		(352.121.786.264)	(143.225.011.053)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(64.297.557.844)	(60.981.064.221)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.207.176.080
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(56.989.034.976)	(49.014.713.597)
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20		(727.121.368.908)	(279.295.934.078)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(782.724.873.995)	(580.218.788.444)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	7.662.431.850
Tiền gửi có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay	24		-	(113.095.984.244)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được và thu hồi khoản vay từ các đơn vị khác	25		7.340.555.968	259.508.819.959
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		(600.000.000)	(3.580.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	27		-	1.660.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	28		37.913.579.798	31.558.080.403
Tiền thu từ ký quỹ dài hạn	29		11.876.818.345	-
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(726.193.919.884)	(396.505.440.476)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền góp vốn nhận được từ cổ đông thiểu số	31		900.000.000	-
Tiền vay nhận được	33		8.799.853.014.423	6.447.709.693.392
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.991.132.607.902)	(5.181.133.750.008)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(6.680.123.049)	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		1.802.940.283.472	1.266.575.943.384
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		349.624.994.680	590.774.568.830
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		741.370.744.436	151.115.119.814
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		1.054.404.245	(518.944.208)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	1.092.050.143.361	741.370.744.436

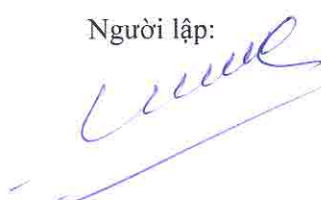
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2011 VND	2010 VND
Giá trị của xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	20.492.296.551	-
Giá trị của chi phí trả trước dài hạn chưa thanh toán	5.670.000.000	-
Chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	25.319.782.419	-

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010. Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty Cổ phần Mseafood	Công ty Cổ phần Mseafood	2370515 do Bang California, Hoa Kỳ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2001.	90,0%	90,0%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.	97,5%	97,0%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2000.	97,5%	97,5%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 30 tháng 10 năm 2001.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	56-02-000417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	4302000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 9 tháng 2 năm 2006.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010.	100%	-
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	6104000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 7 năm 2008.	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Nuôi trồng và chế biến các sản phẩm thủy sản; sản xuất và kinh doanh giống thủy sản, thực phẩm thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000971566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 26 tháng 5 năm 2010.	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 12.068 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 6.787 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lãi chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh giá trị đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua, trong một giao dịch mua bên thứ ba. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hay trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính được thuyết minh theo Thông tư 210 không yêu cầu thuyết minh số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

(e) Các giao dịch bằng ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của đơn vị, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(ii) Đơn vị hoạt động ở nước ngoài

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi khoản đầu tư vào đơn vị hoạt động ở nước ngoài được thanh lý một phần hoặc toàn bộ, số dư có liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(g) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo các quy định Việt Nam vì nguyên giá thấp hơn 10 triệu VND được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(n) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng.

(u) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Khác

<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	-	5.291.427.235.800	1.725.624.384.750	21.474.702.258	-	7.038.526.322.808
Doanh thu giữa các bộ phận	325.981.226.166	1.792.809.399.251	-	33.987.007.120	(2.152.777.632.537)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	325.981.226.166	7.084.236.635.051	1.725.624.384.750	55.461.709.378	(2.152.777.632.537)	7.038.526.322.808
Kết quả kinh doanh của bộ phận	94.436.423.955	513.565.616.307	17.607.094.146	13.563.940.871	(5.709.719.219)	633.463.356.060
Doanh thu hoạt động tài chính Chi phí tài chính						99.386.100.773 (402.046.481.459)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						330.802.975.374
Thu nhập khác						8.239.870.443
Chi phí khác						(1.575.586.366)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(53.769.415.147)
Lợi nhuận thuần						283.697.844.304

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	-	1.402.863.840.701	3.665.912.664.434	10.140.061.237	28.897.573.760	5.107.814.140.132
Doanh thu giữa các bộ phận	265.904.645.440	1.502.342.950.313	-	15.570.293.384	(1.783.817.889.137)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	265.904.645.440	2.905.206.791.014	3.665.912.664.434	25.710.354.621	(1.754.920.315.377)	5.107.814.140.132
Kết quả kinh doanh của bộ phận	97.285.565.271	262.686.746.677	104.701.333.280	(3.178.455.143)	(29.686.557.085)	431.808.633.000
Doanh thu hoạt động tài chính Chi phí tài chính						57.390.117.310 (174.097.384.184)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						315.101.366.126
Thu nhập khác Chi phí khác Thuế thu nhập doanh nghiệp						59.572.573.330 (1.731.791.495) (58.265.141.842)
Lợi nhuận thuần						314.677.006.119

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	451.033.557.164	5.535.732.286.410	829.024.308.810	54.196.867.157	(1.762.791.270.119)	5.107.195.749.422 2.180.000.000 1.216.090.262.836
Tổng tài sản						6.325.466.012.258
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	59.649.088.055	5.238.526.311.741	425.247.088.036	8.600.249.053	(1.748.417.581.568)	3.983.605.155.317 724.247.448.110
Tổng nợ phải trả						4.707.852.603.427
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản dài hạn Khấu hao và phân bổ	171.068.408.301 7.303.956.263	630.968.988.811 69.245.847.144	- 337.566.663	4.155.208.349 2.830.588.013	(23.467.731.466) -	782.724.873.995 79.717.958.083

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	154.190.467.609	2.432.809.426.041	842.601.339.366	710.336.363.815	(766.566.431.591)	3.373.371.165.240 1.580.000.000 519.853.271.106
Tổng tài sản						3.894.804.436.346
Nợ phải trả của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	2.524.925.100	2.386.266.783.241	260.078.315.902	348.639.051.805	(707.982.300.746)	2.289.526.775.302 200.000.000.000
Tổng nợ phải trả						2.489.526.775.302

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản dài hạn Khấu hao và phân bổ	1.772.735.494 2.828.873.108	87.360.428.415 33.082.002.200	53.788.298.972 13.680.416.711	- 2.307.554.872	- -	142.921.462.881 51.898.846.891

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2011	2010
	VND	VND
Việt Nam	390.927.291.510	419.566.450.643
Bắc Mỹ	3.045.566.192.648	2.493.082.718.488
Châu Âu	851.883.601.265	605.466.131.812
Nhật Bản	1.396.379.739.454	692.537.306.252
Hàn Quốc	839.890.899.817	603.682.530.674
Khác	513.878.598.114	293.479.002.263
	7.038.526.322.808	5.107.814.140.132

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	2011	2010
	VND	VND
Việt Nam	5.476.968.264.178	3.243.624.953.251
Bắc Mỹ	848.497.748.080	651.179.483.095
	6.325.466.012.258	3.894.804.436.346

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	8.768.451.368	4.137.588.924
Tiền gửi ngân hàng	98.892.524.839	472.773.552.603
Các khoản tương đương tiền	984.389.167.154	264.459.602.909
	1.092.050.143.361	741.370.744.436

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 34.514 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 16.326 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Trong tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 434 triệu VND và 82.279 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 412 triệu VND và 380.116 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 41.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 38.000 triệu VND) bị hạn chế sử dụng theo điều khoản của hợp đồng bảo lãnh thanh toán với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	5.263.000.000	5.263.000.000
▪ Công ty Cổ phần vận tải dầu khí	6.004.500.000	6.004.500.000
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	80.000	80.000
Đầu tư ngắn hạn khác		
▪ Các khoản cho vay (*)	7.746.276.778	8.538.770.957
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (**)	70.747.449.592	72.422.846.492
	89.761.306.370	92.229.197.449

(*) Khoản này phản ánh khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm. Các khoản này không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn. Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn có thể thu hồi khoản vay này bằng việc thu mua tôm thu hoạch được trong tương lai.

(**) Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm từ 13,2% đến 14,0% trong năm. Khoản tiền gửi này được gửi tại các ngân hàng uy tín với rủi ro tín dụng thấp

Trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số tiền 22.874 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 22.874 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	8.241.940.000	11.137.200.000
Tăng dự phòng trong năm	1.738.860.000	-
Hoàn nhập dự phòng	(56.720.000)	(2.895.260.000)
Số dư cuối năm	9.924.080.000	8.241.940.000

6. Phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng phản ánh khoản phải thu bên thứ ba không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số tiền 25.211 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 35.953 triệu VND) là trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Trong phải thu khách hàng và trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 322.091 triệu VND và 1.869 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 242.381 triệu VND và 37.386 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	6.433.402.240	4.187.716.048
Phải thu người lao động (*)	10.095.418.099	-
Các khoản phải thu khác	2.489.564.528	2.124.628.386
Tổng cộng	19.018.384.867	6.312.344.434

(*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	385.956.695	-
Tăng dự phòng trong năm	17.542.577.828	385.956.695
Hoàn nhập	(4.509.864.431)	-
Số dư cuối năm	13.418.670.092	385.956.695

Số dư của các khoản phải thu và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Tập đoàn tin rằng ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu sau khi trừ dự phòng:

	31/12/2011 VND
Trong hạn	402.857.585.168
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	23.383.918.841
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	19.820.857.422
	446.062.361.431

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản dự phòng phải thu khó đòi 12.437 triệu VND liên quan đến một khách hàng đã tuyên bố phá sản trong năm. Mặc dù hàng hóa đã bán cho khách hàng này có điều kiện về việc giữ lại quyền sở hữu, Tập đoàn không có cơ sở xác minh liệu khách hàng còn sở hữu hàng hóa hay không.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	-	4.561.541.150
Nguyên vật liệu	86.401.393.236	48.079.396.402
Công cụ và dụng cụ	17.349.253.304	5.851.893.913
Sản phẩm dở dang	19.757.428.416	2.352.905.191
Thành phẩm	2.254.850.912.465	709.039.549.629
Hàng hóa	84.203.340.650	461.385.270.402
	2.462.562.328.071	1.231.270.556.687
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(53.753.010.514)	(17.529.048.781)
	2.408.809.317.557	1.213.741.507.906

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	17.529.048.781	7.329.195.819
Tăng dự phòng trong năm	64.912.931.787	10.199.852.962
Hoàn nhập	(29.030.806.919)	-
Chênh lệch tỷ giá	341.836.865	-
Số dư cuối năm	53.753.010.514	17.529.048.781

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.777.883 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 386.699 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 920.028 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 133.527 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

8. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.745.385.149	20.556.777
Thuế thu nhập cá nhân	17.902.107	-
	8.763.287.256	20.556.777

9. Tài sản ngắn hạn khác

Trong tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 42.472 triệu VND tạm ứng cho nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 23.701 triệu VND) để mua quyền sử dụng đất thay cho Tập đoàn.

Trong tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 44.205 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 24.369 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. Các khoản phải thu dài hạn

Theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), một công ty con phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Hàng năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

Các khoản phải thu dài hạn thuộc về Mseafood phản ánh khoản thuế chống bán phá giá tạm nộp. Chi tiết của các khoản phải thu này như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008	41.136.174.776	37.304.364.041
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011	45.704.942.372	12.940.542.630
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.384.475.388	-
	92.225.592.536	50.244.906.671

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý ước tính của các khoản phải thu dài hạn, tính bằng giá trị hiện tại của luồng tiền lãi và tiền gốc trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 không chênh lệch đáng kể so với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	153.084.080.254	321.348.395.463	29.898.449.868	5.928.515.229	510.259.440.814
Tăng trong năm	39.216.930.261	162.015.617.122	23.770.399.517	4.784.912.986	229.787.859.886
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	328.746.958.486	458.428.422.055	44.256.885.631	1.148.697.181	832.580.963.353
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(13.453.292.079)	-	-	-	(13.453.292.079)
Phân loại lại	-	(504.716.508)	-	504.716.508	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	2.107.061.198	39.674.836	-	14.823.011	2.161.559.045
Số dư cuối năm	509.701.738.120	941.327.392.968	97.925.735.016	12.381.664.915	1.561.336.531.019
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.273.783.981	112.707.530.509	8.929.774.514	3.909.577.090	158.820.666.094
Khấu hao trong năm	16.540.095.436	55.344.665.226	6.135.527.724	1.038.738.486	79.059.026.872
Phân loại lại	-	(438.534.621)	-	438.534.621	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	105.655.172	30.861.035	-	13.917.910	150.434.117
Số dư cuối năm	49.919.534.589	167.644.522.149	15.065.302.238	5.400.768.107	238.030.127.083
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	119.810.296.273	208.640.864.954	20.968.675.354	2.018.938.139	351.438.774.720
Số dư cuối năm	459.782.203.531	773.682.870.819	82.860.432.778	6.980.896.808	1.323.306.403.936

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 68.078 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 38.578 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 1.004.648 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 145.618 triệu VND) thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.052.200.000	19.956.614.159	1.656.347.291	25.665.161.450
Tăng trong năm	-	-	700.200.000	700.200.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	22.292.204.000	-	22.292.204.000
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	13.453.292.079	-	-	13.453.292.079
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.398.664.767)	-	(1.398.664.767)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	183.986.717	-	-	183.986.717
Số dư cuối năm	17.689.478.796	40.850.153.392	2.356.547.291	60.896.179.479
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	3.129.591.816	509.633.858	3.639.225.674
Khấu hao trong năm	-	472.653.327	186.277.884	658.931.211
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(464.168.099)	-	(464.168.099)
Số dư cuối năm	-	3.138.077.044	695.911.742	3.833.988.786
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	4.052.200.000	16.827.022.343	1.146.713.433	22.025.935.776
Số dư cuối năm	17.689.478.796	37.712.076.348	1.660.635.549	57.062.190.693

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.048 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.982 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 27.656 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.198 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	595.195.981.730	121.546.180.814
Tăng trong năm	528.701.006.487	548.135.020.426
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(832.580.963.353)	(74.485.219.510)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(22.292.204.000)	-
Xóa sổ	(713.800.200)	-
Số dư cuối năm	268.310.020.664	595.195.981.730

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 250.189 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 591.873 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 25.320 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 12.364 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	2.180.000.000	1.580.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Quỹ tầm nhìn SSI	200.000.000.000	200.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	7.000.000.000	7.000.000.000
	207.000.000.000	207.000.000.000

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	12.131.246.470	-
Tăng dự phòng trong năm	80.394.174.535	12.131.246.470
Hoàn nhập	(43.514.174.535)	-
Số dư cuối năm	49.011.246.470	12.131.246.470

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng Ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng container và cảng vận chuyển hàng hóa, nhà kho, cảng biển xăng, khí đốt và dầu; kinh doanh xăng, dầu, khí đốt, nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất.	6300108975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24 tháng 2 năm 2010.	40%	40%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.009.147.914	-	-	6.164.667.380	8.173.815.294
Tăng trong năm	-	63.328.578.498	-	22.431.344.616	85.759.923.114
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	934.496.668	-	-	934.496.668
Chuyển từ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong vốn chủ sở hữu	-	-	20.402.628.523	-	20.402.628.523
Phân bổ trong năm	(69.265.965)	(1.788.921.477)	(2.040.262.852)	(5.467.422.852)	(9.365.873.146)
Số dư cuối năm	1.939.881.949	62.474.153.689	18.362.365.671	23.128.589.144	105.904.990.453

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 66.778 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.872 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

16. Tài sản dài hạn khác

Khoản này phản ánh 10% tiền ký quỹ cho hợp đồng bảo lãnh thanh toán giá trị 2.200.000 Đô la Mỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Cà Mau, và được hưởng lãi suất 0,1% một năm. Theo điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn phải duy trì số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn là 1.980.000 Đô la Mỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Cà Mau như một khoản đảm bảo và Ngân hàng có nghĩa vụ đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí liên quan đến vụ kiện chống bán phá giá của Công ty Cổ phần Mseafood.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý ước tính của tài sản dài hạn, tính bằng giá trị hiện tại của luồng tiền lãi và tiền vốn trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, không chênh lệch đáng kể so với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

17. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	30.888.957.000
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	7.979.647.414
Phân bổ trong năm	3.088.895.700
Số dư cuối năm	11.068.543.114
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	22.909.309.586
Số dư cuối năm	19.820.413.886

18. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	2.626.418.137.945	1.490.714.997.316
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 24)	309.821.552.667	-
	2.936.239.690.612	1.490.714.997.316

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

19. Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh khoản phải trả cho bên thứ ba không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	49.009.056.360	1.990.980.736
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.585.240.621	17.452.734.063
Thuế thu nhập cá nhân	624.027.783	1.912.130.849
Các loại thuế khác	-	20.556.777
	64.218.324.764	21.376.402.425

21. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	20.584.439.623	1.135.920.000
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 1 năm 2009	54.676.624.200	54.676.624.200
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010	15.926.609.244	15.547.687.859
	91.187.673.067	71.360.232.059

Thuế chống bán phá giá phải trả tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được quyết toán. Khoản thuế phải trả do Tập đoàn ước tính có thể thay đổi theo số thuế thực phải trả được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

22. Các khoản phải trả khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	876.979.684	576.441.479
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	11.040.682.989	4.000.000.000
Lãi vay phải trả	14.999.132.716	900.000.000
Hoa hồng phải trả	392.099.083	392.099.083
Tiền thuê đất phải trả	5.670.000.000	-
Phải trả khác	2.062.986.216	617.583.025
	35.041.880.688	6.486.123.587

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và phí Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	11.931.450.768
Phân bổ quỹ	82.569.998.035
Sử dụng quỹ	(29.958.000.203)
	64.543.448.600
Số dư cuối năm	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

24. Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn	539.586.544.528	347.236.965.554
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	900.000.000.000	400.000.000.000
	1.439.586.544.528	747.236.965.554
Phải trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 18)	(309.821.552.667)	-
Phải trả sau 12 tháng	1.129.764.991.861	747.236.965.554

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và trái phiếu doanh nghiệp dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm hết hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	VND	21,0%	2017	287.802.592.184	135.985.430.540
Khoản vay 2	USD	7,0%	2017	243.000.559.677	183.727.321.923
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mình Hải					
Khoản vay 3	VND	-	2011	-	4.849.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 4	VND	18,3%-18,32%	2012	2.128.791.124	5.778.154.180
Khoản vay 5	VND	18,32%	2012	1.200.925.083	3.602.775.251
Khoản vay 6	VND	18,32%	2012	852.358.060	2.557.074.060
Khoản vay 7	VND	18,32%	2012	2.458.082.700	5.735.526.300
Khoản vay 8	VND	18,32%	2012	2.143.235.700	5.000.883.300
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn					
Lot 1	VND	9,98%	2012	200.000.000.000	200.000.000.000
Lot 2	VND	18,0%-20,0%	2013	200.000.000.000	200.000.000.000
Lot 3	VND	18,0%-20,0%	2014	500.000.000.000	-
				1.439.586.544.528	747.236.965.554

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Các khoản vay ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi và được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền	3.607.142.559	4.405.167.616
Trả trước cho người bán	1.869.400.010	37.386.170.730
Hàng tồn kho	58.634.584.041	10.860.420.039
Tài sản ngắn hạn khác	44.204.986.671	24.368.880.521
Tài sản cố định hữu hình	974.093.022.418	112.858.215.460
Tài sản cố định vô hình	26.598.440.535	4.081.063.450
Xây dựng cơ bản dở dang	250.188.788.748	591.872.536.603
Chi phí trả trước dài hạn	66.778.429.577	4.872.088.183
	1.425.974.794.559	790.704.542.602

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND	Luồng tiền theo hợp đồng chưa chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	2.626.418.137.945	2.737.466.331.233	2.737.466.331.233	-	-	-
Phải trả người bán	313.623.931.737	313.623.931.737	313.623.931.737	-	-	-
Phải trả người lao động	52.666.140.501	52.666.140.501	52.666.140.501	-	-	-
Chi phí phải trả	91.187.673.067	91.187.673.067	91.187.673.067	-	-	-
Các khoản phải trả khác	35.041.880.688	35.041.880.688	35.041.880.688	-	-	-
Vay dài hạn	539.586.544.528	746.959.685.987	154.334.926.812	156.764.482.740	410.247.924.574	25.612.351.861
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	900.000.000.000	1.225.070.888.889	360.070.888.889	340.000.000.000	525.000.000.000	-
	4.558.524.308.466	5.202.016.532.102	3.744.391.772.927	496.764.482.740	935.247.924.574	25.612.351.861

Tập đoàn quản lý khả năng đáp ứng các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng cách đầu tư thặng dư tiền trong các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý ước tính của vay dài hạn và trái phiếu doanh nghiệp dài hạn, tính bằng giá trị hiện tại của các luồng tiền lãi và tiền vốn trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 xấp xỉ với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vay ngắn hạn 2.626.418 triệu VND và nợ dài hạn 1.239.587 triệu VND của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm lợi nhuận thuần Tập đoàn sẽ giảm 14.123 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

25. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	3.825.350.961
Sử dụng dự phòng trong năm	(114.427.273)
Số dư cuối năm	3.710.923.688

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 1.324 triệu VND (2010: 720 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí lương trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	67.310.550.351	46.469.180.502
Đầu tư thêm trong năm	900.000.000	15.000.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	8.299.668.203	8.384.087.045
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài tính cho cổ đông thiểu số	9.814.166.940	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(922.256.673)	-
Cổ tức	(6.680.123.049)	(2.542.717.196)
Số dư cuối năm	78.722.005.772	67.310.550.351

28. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	5.038.683.559.029	1.496.237.638.182
▪ Hàng hóa đã bán	1.997.966.611.496	3.607.008.835.106
▪ Phế liệu đã bán	47.010.442.063	39.960.359.477
▪ Khác	-	7.534.535.590
	7.083.660.612.588	5.150.741.368.355
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(737.022.306)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(44.397.267.474)	(42.927.228.223)
	(45.134.289.780)	(42.927.228.223)
Doanh thu thuần	7.038.526.322.808	5.107.814.140.132

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

29. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Thành phẩm đã bán	4.097.514.849.179	922.447.292.523
Hàng hóa đã bán	1.855.862.223.390	3.405.397.410.820
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	35.882.124.868	10.199.852.962
Khác	-	10.588.260.855
	5.989.259.197.437	4.348.632.817.160

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	40.159.265.990	19.831.193.529
Cổ tức	-	201.526.080
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.190.013.870	37.357.397.701
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.036.820.913	-
	99.386.100.773	57.390.117.310

31. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	340.901.136.561	143.894.321.053
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	2.574.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.860.993.906	4.447.535.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.822.210.992	8.950.218.005
Dự phòng giảm giá đầu tư	38.562.140.000	9.235.986.470
Chi phí khác	6.900.000.000	4.994.822.710
	402.046.481.459	174.097.384.184

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.891.624.506
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	23.746.604.335	14.646.032.711
Lỗi tính thuế mang sang	1.092.899.778	-
	24.839.504.113	16.537.657.217
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(1.376.499.148)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.871.816.246)	-
	(9.248.315.394)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	15.591.188.719	16.537.657.217

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	40.582.417.264	67.339.315.500
Dự phòng thiếu trong năm trước	12.240.529.385	239.090.119
	52.822.946.649	67.578.405.619
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	946.468.498	(9.313.263.777)
	53.769.415.147	58.265.141.842

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	337.467.259.451	372.942.147.961
Thuế theo thuế suất của Công ty	84.366.814.863	93.235.536.990
Chi phí không được khấu trừ thuế	537.228.108	131.184.046
Thu nhập không chịu thuế	-	(50.381.520)
Ưu đãi thuế	(47.329.119.123)	(40.122.404.269)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.326.498.879	576.270.830
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty con	2.627.463.035	4.255.845.646
Dự phòng thiếu trong năm trước	12.240.529.385	239.090.119
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	53.769.415.147	58.265.141.842

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC (“Thông tư 154”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011, hoạt động của Công ty và một số công ty con nằm trong diện doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực chế biến thủy sản, do đó các công ty này được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho năm 2011.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang (“Minh Phú – Hậu Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong chín năm tiếp theo. Các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Minh Phú – Hậu Giang không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Minh Phú – Hậu Giang vẫn không có lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Quý cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2015 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú – Kiên Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú – Lộc An có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong mười năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú – Lộc An cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên công ty có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo. Các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Minh Phú – Lộc An không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Minh Phú – Lộc An không có lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú (“Tôm sinh thái Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Tôm sinh thái Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2010 đến năm 2024 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tôm sinh thái Minh Phú cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024.

Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 25%.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	275.398.176.101	306.292.919.074

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2011	2010
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	70.000.000	70.000.000

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Tập đoàn có quan hệ liên quan với công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc, các nhân sự điều hành và công ty sở hữu bởi các cổ đông chính.

Giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan:

	2011 VND	2010 VND
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang		
Góp vốn	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Phú		
Thuê văn phòng	2.513.949.000	-

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2011 VND	2010 VND
Lương thưởng và trợ cấp	11.574.915.266	4.570.975.494

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

35. Cam kết

(a) Mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	9.717.542.656	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	222.168.758.738	399.666.681.328
	231.886.301.394	399.666.681.328

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	3.046.978.400	1.851.549.600
Từ hai đến năm năm	6.532.086.300	5.091.761.400
Sau năm năm	845.000.000	-
	10.424.064.700	6.943.311.000

36. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.292.170	-
Phải thu khách hàng	17.578.319	-
Tài sản tiền tệ khác	333.861	-
Phải trả người bán	(5.180.642)	(12.527.861)
Vay ngắn hạn	(5.185.544)	-
Vay dài hạn	(11.667.014)	-
	(2.828.850)	(12.527.861)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 VND
USD	20.828
JPY	271

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần tại ngày 31/12/2011 VND
USD (tăng 10%) – giảm lợi nhuận thuần	(10.154.884.413)
JPY (giảm 8%) – tăng lợi nhuận thuần	271.433.648
	(9.883.450.765)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.863.711.011.390	7.703.028.838.652
Chi phí nhân công	462.232.333.545	276.652.856.450
Chi phí khấu hao	92.172.726.929	38.487.356.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.188.900.077	291.300.509.485
Chi phí khác	134.182.324.025	58.505.626.778

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2012